

HỎI - ĐÁP VỀ LUẬT THỐNG KÊ

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Câu hỏi 1. Hoạt động thống kê là gì?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 3 Luật thống kê quy định: "*Hoạt động thống kê* là điều tra, báo cáo, tổng hợp, phân tích và công bố các thông tin phản ánh bản chất và tính quy luật của các hiện tượng kinh tế - xã hội trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể do tổ chức thống kê nhà nước tiến hành".

Câu hỏi 2. Thông tin thống kê là gì?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 3 Luật thống kê quy định: "*Thông tin thống kê* là sản phẩm của hoạt động thống kê, bao gồm số liệu thống kê và bản phân tích các số liệu đó".

Câu hỏi 3. Chỉ tiêu thống kê là gì?

Trả lời:

Chỉ tiêu thống kê (quy định tại khoản 3, Điều 3 Luật thống kê) là tiêu chí mà biểu hiện bằng số của nó phản ánh quy mô, tốc độ phát triển, cơ cấu, quan hệ tỷ lệ của hiện tượng kinh tế - xã hội trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể.

Câu hỏi 4. Hệ thống chỉ tiêu thống kê là gì? Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia là gì?

Trả lời:

Khoản 4 Điều 3 Luật thống kê quy định: "*Hệ thống chỉ tiêu thống kê* là tập hợp những chỉ tiêu thống kê do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành".

Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 quy định: *Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia* là tập hợp những chỉ tiêu thống kê phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đất nước để thu thập thông tin thống kê, phục vụ các cơ quan, lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân khác.

Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được ban hành bao gồm danh mục chỉ tiêu, các phân tổ chủ yếu, kỳ hạn báo cáo và phân công thực hiện.

Câu hỏi 5. Thống kê có vai trò như thế nào?

Trả lời:

Thống kê là một trong những công cụ quản lý vĩ mô quan trọng, có vai trò cung cấp các thông tin thống kê trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ các cơ quan nhà nước trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân.

Câu hỏi 6. Vì sao phải ban hành Luật thống kê?

Trả lời:

Luật thống kê được ban hành vì các lý do sau:

1. Xuất phát từ vai trò của thống kê, là một trong những công cụ quản lý vĩ mô quan trọng, liên quan đến mọi hoạt động kinh tế - xã hội, mọi tổ chức, cá nhân.

2. Pháp lệnh kế toán và thống kê ban hành năm 1988, sau 15 năm thực hiện đã bộc lộ những hạn chế bất cập *biểu hiện cụ thể ở một số khía cạnh sau đây:*

- Do sự chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường, đầu mối thu thập thông tin thống kê tăng gấp bội về số lượng, đa dạng về loại hình sở hữu, quy mô, ngành nghề kinh doanh, hình thức và trình độ hạch toán, đòi hỏi pháp luật phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, nhằm bao quát được các đối tượng cung cấp thông tin.

- Trong thực tiễn việc thu thập thông tin thống kê hiện nay đã xuất hiện tình trạng trùng lặp, chồng chéo, không những gây tốn kém, nặng nề cho cơ sở mà còn gây nhiễu thông tin; việc cung cấp thông tin từ kênh bộ, ngành sang kênh tập trung của Nhà nước còn rất hạn chế; vai trò điều phối của hệ thống thống kê tập trung chưa được quy định cụ thể; việc công bố thông tin còn tình trạng vừa trùng lặp, vừa không thống nhất. Do đó, cần có cơ chế chặt chẽ

hơn nhằm bảo đảm sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước có liên quan, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác thống kê.

- Pháp lệnh kế toán và thống kê chưa quy định cụ thể về công bố và sử dụng thông tin. Vì vậy, cần có quy định để vừa bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật thông tin thống kê về từng tổ chức, cá nhân, vừa công khai kịp thời, bình đẳng cho mọi tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng thông tin tổng hợp, đồng thời có sự phân công, phân cấp trong việc công bố thông tin.

- Nhiều quy định của Pháp lệnh kế toán và thống kê đã hạn chế tính đặc thù của 2 hoạt động kế toán và thống kê: từ tên gọi đến nội dung, đối tượng phản ánh, mục tiêu...

3. Việc nghiên cứu, chọn lọc và tiếp thu những chuẩn mực chung của thống kê trong khu vực và trên thế giới cần được quy định thành nguyên tắc để số liệu thống kê nước ta bảo đảm được tính so sánh quốc tế, phù hợp với tiến trình hội nhập chung.

4. Để phù hợp và đồng bộ với các Luật và Pháp lệnh mới được ban hành trong những năm gần đây.

Câu hỏi 7. Phạm vi điều chỉnh của Luật thống kê là gì?

Trả lời:

Phạm vi điều chỉnh của Luật thống kê gồm những vấn đề sau đây:

- Luật thống kê quy định về hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê và hệ thống tổ chức thống kê nhà nước.

- Tổ chức, cá nhân ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước được tiến hành các cuộc điều tra thống kê phục vụ nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh trong phạm vi chức năng, lĩnh vực hoạt động; nếu điều tra thống kê ngoài phạm vi chức năng, lĩnh vực hoạt động, phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực đó.

Câu hỏi 8. Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với Luật thống kê thì áp dụng như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định chung, trong trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tham gia ký kết có quy định khác với luật trong nước của Việt Nam sẽ áp dụng quy định trong điều ước quốc tế đó. Do vậy, khi điều ước quốc tế về thống kê mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với Luật thống kê thì sẽ áp dụng theo điều ước quốc tế đó.

Câu hỏi 9. Trường hợp Luật thống kê và các Luật khác (hiện hành) cùng quy định một vấn đề liên quan đến công tác thống kê, nhưng có sự khác nhau thì áp dụng Luật nào?

Trả lời:

Luật thống kê bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong hoạt động thống kê do tổ chức thống kê nhà nước tiến hành. Đây là luật chuyên ngành về thống kê, do vậy khi một Luật chuyên ngành khác quy định một vấn đề nào đó có liên quan đến thống kê thì tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng áp dụng phải tuân thủ theo Luật thống kê.

Câu hỏi 10. Phạm vi điều chỉnh của Luật thống kê so với phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh kế toán và thống kê có gì khác?

Trả lời:

Pháp lệnh kế toán và thống kê điều chỉnh chung cả hai lĩnh vực kế toán và thống kê. Luật thống kê chỉ điều chỉnh về công tác thống kê; Luật đã quy định rõ hơn về: Hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê và hệ thống tổ chức thống kê nhà nước, trong đó tập trung điều chỉnh hoạt động thống kê nhà nước, đồng thời giao cho Chính phủ quy định về điều tra thống kê của tổ chức, cá nhân ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước.

Câu hỏi 11. Đối tượng áp dụng của Luật thống kê có gì mới so với đối tượng áp dụng của Pháp lệnh kế toán và thống kê?

Trả lời:

Pháp lệnh kế toán và thống kê nêu chung đối tượng điều chỉnh ở cả hai lĩnh vực: kế toán và thống kê. Trong đó, phần thống kê chỉ quy định về đối tượng cung cấp thông tin. Luật thống kê đã bao quát hơn, không những mở rộng đối tượng cung cấp thông tin thống kê (như :

đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp không thụ hưởng ngân sách nhà nước...), mà còn quy định đối tượng áp dụng là tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê, tổ chức thống kê và người làm công tác thống kê. Các đối tượng này đều có liên quan đến chất lượng, hiệu quả hoạt động thống kê và thông tin thống kê.

Câu hỏi 12. Những điều mới về nội dung của Luật thống kê so với Pháp lệnh kế toán và thống kê?

Trả lời:

Về nội dung, điểm nổi bật của Luật thống kê là kết cấu các chương, điều đã thể hiện tính hệ thống, đồng bộ của toàn bộ hệ thống thông tin thống kê nhà nước ở Việt Nam. Luật thống kê đã bổ sung thêm nhiều điểm mới phù hợp với cơ chế và tình hình thực tế. Đó là:

- Nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê;
- ứng dụng khoa học, công nghệ vào hoạt động thống kê;
- Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;
- Bảng phân loại thống kê;
- Chương trình điều tra thống kê quốc gia;
- Kinh phí điều tra thống kê;
- Thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp;
- Quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thống kê;
- Thẩm quyền công bố thông tin thống kê;
- Bảo mật thông tin thống kê;
- Hệ thống tổ chức thống kê;
- Người làm công tác thống kê;...

Câu hỏi 13. Việc hội nhập quốc tế được thể hiện như thế nào trong Luật thống kê?

Trả lời:

1. Luật thống kê Việt Nam đã tham khảo, tiếp thu có chọn lọc một số nội dung Luật thống kê của nhiều nước, trong đó có một số nội dung sau đây:

- Vận dụng 10 nguyên tắc trong hoạt động thống kê của Ủy ban thống kê Liên hợp quốc, trong đó rõ nhất là các nguyên tắc:

+ Công khai về phương pháp thống kê, công bố thông tin thống kê (khoản 5 Điều 4 Luật thống kê).

+ Bảo đảm quyền bình đẳng trong việc tiếp cận và sử dụng thông tin thống kê nhà nước đã được công bố công khai (khoản 6 Điều 4 Luật thống kê).

+ Những thông tin thống kê về từng tổ chức, cá nhân chỉ được sử dụng cho mục đích tổng hợp thống kê (khoản 7 Điều 4 Luật thống kê).

- Vấn đề công bố thông tin thống kê (Điều 24 Luật thống kê).

2. Luật thống kê đã thể hiện việc hội nhập quốc tế trong nhiều nội dung, trong đó có một số nội dung sau đây:

- Lời nói đầu đã nêu rõ mục đích ban hành Luật thống kê trong đó có mục đích là để đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân khác (bao gồm trong nước và nước ngoài).

- Bảo đảm so sánh quốc tế là một trong những nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê (khoản 3 Điều 4 Luật thống kê).

- ứng dụng khoa học, công nghệ vào hoạt động thống kê (Điều 5 Luật thống kê).

- Một trong các yêu cầu của việc xây dựng bảng phân loại thống kê, xây dựng chế độ báo cáo thống kê là bảo đảm so sánh quốc tế.

- Thông tin thống kê do tổ chức thống kê nhà nước tiến hành phải được công bố công khai, đúng thời hạn, trừ những thông tin gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng tổ chức, cá nhân (trừ trường hợp được tổ chức, cá nhân đó đồng ý cho công bố) và những thông tin thống kê thuộc danh mục bí mật nhà nước (Điều 24, Điều 27 Luật thống kê).

- Quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thống kê (Điều 23 Luật thống kê và Điều 18 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004).

Câu hỏi 14. Đối tượng áp dụng Luật thống kê gồm những tổ chức và cá nhân nào?

Trả lời:

Đối tượng áp dụng được quy định trong Luật thống kê bao gồm:

1. Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin thống kê.
2. Tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê.
3. Tổ chức thống kê, người làm công tác thống kê.

Câu hỏi 15. Khi nào người dân là đối tượng áp dụng Luật thống kê? Người dân phải làm gì khi thi hành Luật thống kê?

Trả lời:

Người dân là đối tượng áp dụng Luật thống kê trên hai danh nghĩa:

1. Là đối tượng có nghĩa vụ cung cấp thông tin thống kê khi được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chọn để điều tra thống kê (Ví dụ: Chủ hộ hoặc các thành viên trong hộ có nhiệm vụ cung cấp những thông tin về mình, về gia đình mình trong các cuộc Tổng điều tra dân số; Điều tra biến động dân số; Điều tra lao động, việc làm; Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; Điều tra mức sống dân cư; Điều tra y tế; Điều tra về trẻ em; và các cuộc điều tra khác). Trong các cuộc điều tra thống kê, người dân phải trả lời các câu hỏi trong phiếu điều tra thống kê cho điều tra viên thống kê hoặc ghi và gửi phiếu điều tra cho cơ quan thực hiện điều tra thống kê; việc cung cấp thông tin thống kê của người dân phải trung thực, đầy đủ và bảo đảm đúng thời gian đã được quy định, không được từ chối hoặc cản trở việc thực hiện điều tra thống kê của Nhà nước. Người dân được giữ bí mật thông tin khi đã cung cấp và có quyền khiếu nại, tố cáo nếu thông tin cung cấp cho điều tra viên bị tiết lộ.
2. Là đối tượng sử dụng thông tin thống kê. Người dân có quyền được thông tin về những chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội mà pháp luật quy định được phép công khai. Khi sử dụng thông tin thống kê thì người dân phải tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về sử dụng thông tin thống kê như khi trích dẫn và sử dụng phải trung thực và ghi rõ nguồn gốc thông tin.

Câu hỏi 16. Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp có trách nhiệm gì khi thi hành Luật thống kê?

Trả lời:

Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện công tác thống kê phục vụ yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị;
- Thực hiện các cuộc điều tra và chế độ báo cáo thống kê hiện hành của Nhà nước;
- Gửi báo cáo tài chính cho Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở của đơn vị.

Câu hỏi 17. Những tổ chức, cá nhân nào là đối tượng cung cấp thông tin thống kê?

Trả lời:

Điều 2 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 quy định tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin thống kê bao gồm:

- Cơ quan nhà nước các cấp (bao gồm cả ba hệ thống lập pháp, hành pháp, tư pháp);
- Đơn vị sự nghiệp;
- Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp;
- Đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;
- Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị phụ thuộc);
- Hợp tác xã;
- Tổ hợp tác, hộ hoặc cơ sở kinh doanh cá thể;
- Hộ gia đình và cá nhân;
- Tổ chức khác của Việt Nam ở trong nước, ở nước ngoài;

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, trừ các cơ quan tổ chức và cá nhân được hưởng các quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

Câu hỏi 18. Các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp quy định trong Luật thống kê được hiểu như thế nào?

Trả lời:

Các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp quy định trong Luật thống kê (khoản 1, Điều 2) là các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, không phân biệt hạch toán độc lập hay phụ thuộc. Những đơn vị này là đối tượng phải cung cấp thông tin thống kê thông qua các cuộc điều tra thống kê của Nhà nước.

Câu hỏi 19. Quyền và nghĩa vụ của đối tượng cung cấp thông tin thống kê?

Trả lời:

1. Tổ chức, cá nhân là đối tượng cung cấp thông tin thống kê có quyền:

- Được thông báo quyết định, mục đích, yêu cầu, thời hạn của cuộc điều tra thống kê;
- Được phổ biến và hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo quy định của Nhà nước;
- Được bảo đảm bí mật thông tin đã cung cấp theo quy định của pháp luật;
- Khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện chế độ báo cáo thống kê và điều tra thống kê (như ban hành chế độ báo cáo thống kê, quyết định điều tra thống kê sai thẩm quyền, ép buộc khai man, báo cáo thông tin thống kê sai sự thật, tiết lộ các thông tin thống kê gắn với tên, địa chỉ cụ thể khi chưa được sự đồng ý của mình,...).

2. Tổ chức, cá nhân là đối tượng cung cấp thông tin thống kê có nghĩa vụ:

- Tuân thủ các cuộc điều tra thống kê của nhà nước qua việc trả lời các câu hỏi trong phiếu điều tra cho điều tra viên thống kê hoặc ghi và gửi phiếu điều tra cho cơ quan thực hiện điều tra thống kê; tạo điều kiện cho cán bộ điều tra hoàn thành nhiệm vụ.
- Cung cấp thông tin trung thực, đầy đủ và đúng hạn theo yêu cầu của cuộc điều tra thống kê;
- Thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp;
- Các cơ quan là đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp có trách nhiệm tạo điều kiện cho cơ quan thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung truy cập cơ sở dữ liệu thống kê ban đầu.

Câu hỏi 20. Người làm công tác thống kê quy định trong Luật thống kê gồm những ai?

Trả lời:

Người làm công tác thống kê được quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật thống kê bao gồm:

- Người làm công tác thống kê trong hệ thống tổ chức thống kê nhà nước. Đó là những người làm công tác thống kê ở cơ quan thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung, bao gồm cơ quan thống kê trung ương (Tổng cục Thống kê), cơ quan thống kê địa phương (Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phòng thống kê huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trực thuộc Cục Thống kê), tổ chức thống kê bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ở tổ chức thống kê thuộc hệ thống Tòa án, Viện kiểm sát (kể cả cán bộ thống kê ở các cơ quan thuộc cấp tỉnh, cấp huyện);
- Người làm thống kê ở xã, phường, thị trấn;
- Người làm thống kê ở doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp;
- Người được trưng tập thực hiện điều tra thống kê (còn gọi là điều tra viên, cộng tác viên thống kê).

Câu hỏi 21. Quyền, nghĩa vụ của người làm công tác thống kê?

Trả lời:

Quyền và nghĩa vụ của người làm công tác thống kê được quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 33 Luật thống kê, bao gồm:

- Người làm công tác thống kê độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê.
- Người làm công tác thống kê có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về thống kê, thực hiện và chịu trách nhiệm về các công việc được phân công.

Câu hỏi 22. Người làm công tác thống kê phải có các tiêu chuẩn gì?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 33 Luật thống kê quy định người làm công tác thống kê phải có các tiêu chuẩn sau đây:

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, có ý thức chấp hành pháp luật;
- Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thống kê. Tiêu chuẩn này yêu cầu người làm công tác thống kê phải được đào tạo (ngắn hạn hoặc dài hạn) về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê tùy theo vị trí công tác của từng người.

Câu hỏi 23. Hoạt động thống kê phải tuân theo những nguyên tắc cơ bản nào?

Trả lời:

Điều 4 Luật thống kê quy định hoạt động thống kê phải tuân theo các nguyên tắc cơ bản sau đây:

1. Bảo đảm tính trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời trong hoạt động thống kê;
2. Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê;
3. Thống nhất về chỉ tiêu, biểu mẫu, phương pháp tính, bảng phân loại, đơn vị đo lường, niên độ thống kê và bảo đảm tính so sánh quốc tế;
4. Không trùng lặp, chồng chéo giữa các cuộc điều tra thống kê, các chế độ báo cáo thống kê;
5. Công khai về phương pháp thống kê, công bố thông tin thống kê;
6. Bảo đảm quyền bình đẳng trong việc tiếp cận và sử dụng thông tin thống kê nhà nước đã được công bố công khai;
7. Những thông tin thống kê về từng tổ chức, cá nhân chỉ được sử dụng cho mục đích tổng hợp thống kê.

Câu hỏi 24. Nguyên tắc bảo đảm tính trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời được thể hiện như thế nào trong Luật thống kê?

Trả lời:

Đây là nguyên tắc quan trọng nhất trong các nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê, liên quan đến tất cả các đối tượng áp dụng Luật, liên quan đến tất cả các hoạt động thống kê, từ điều tra thống kê, thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp, đến phân tích và công bố thông tin thống kê.

1. Đối tượng cung cấp thông tin thống kê:

- Đối tượng thực hiện điều tra thống kê phải trả lời trực tiếp hoặc gián tiếp các câu hỏi trong bảng hỏi điều tra thống kê một cách đầy đủ, trung thực và chính xác (Nghiêm cấm việc khai man thông tin). Việc cung cấp thông tin phải bảo đảm đúng hạn theo quy định của phương án điều tra.

- Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở phải ghi chép, thu thập, tổng hợp số liệu, lập và nộp báo cáo thống kê cơ sở trung thực, chính xác, đầy đủ và kịp thời trên cơ sở các chứng từ và sổ ghi chép số liệu ban đầu theo đúng quy định của chế độ báo cáo thống kê cơ sở.

- Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp phải tổ chức thu thập, tổng hợp số liệu, lập và nộp báo cáo thống kê tổng hợp trung thực, chính xác, đầy đủ và kịp thời trên cơ sở số liệu của các cuộc điều tra thống kê, báo cáo tài chính, báo cáo thống kê cơ sở và các nguồn thông tin khác; tính toán và tổng hợp các chỉ tiêu đúng nội dung và phương pháp theo quy định của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp.

Báo cáo thống kê được lập phải mang tính khách quan, không bị gò ép theo tư tưởng thành tích hay ý muốn chủ quan của một tổ chức hay cá nhân nào.

2. Tổ chức và người làm công tác thống kê:

Điều tra viên trong khi tiến hành điều tra thống kê phải ghi chép trung thực, chính xác, đầy đủ các thông tin mà đối tượng cung cấp. Việc thu thập thông tin thống kê của điều tra viên phải khách quan, không được "gò ép" đối tượng điều tra trả lời theo ý của mình hoặc ép

buộc khai man thông tin. Việc hoàn thiện phiếu điều tra của điều tra viên phải tiến hành đúng thời gian quy định trong phương án điều tra.

Điều 15 Luật thống kê quy định quyền và nghĩa vụ của cơ quan tiến hành điều tra thống kê như sau:

- Chỉ đạo, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện phương án điều tra thống kê;
- Tổ chức tổng hợp, phân tích, công bố kết quả điều tra thống kê;
- Chịu trách nhiệm về tính khách quan và chính xác của thông tin điều tra, giữ bí mật thông tin theo quy định của Luật thống kê.

3. Tổ chức và cá nhân sử dụng thông tin thống kê:

- Tổ chức, cá nhân thuộc các cơ quan lãnh đạo các cấp, các ngành phải tạo điều kiện cho việc thu thập, tổng hợp thông tin; không được ép buộc tổ chức và cá nhân làm công tác thống kê tổng hợp, công bố thông tin theo ý muốn chủ quan.

- Tổ chức, cá nhân khác: Việc trích dẫn, sử dụng thông tin thống kê phải trung thực và ghi rõ nguồn gốc.

Câu hỏi 25. Trong thống kê có tính đến sai số, vậy tính chính xác của thông tin thống kê được hiểu như thế nào?

Trả lời:

Trong thống kê có 2 loại sai số:

1. Sai số chọn mẫu là sai số tất yếu theo lý thuyết xác suất thống kê;
2. Sai số phi chọn mẫu là những sai sót chủ quan trong quá trình điều tra thống kê.

Tính chính xác của thông tin đòi hỏi mọi đối tượng phải trung thực, khách quan trong hoạt động thống kê từ cung cấp thông tin đến xử lý, tổng hợp, báo cáo, công bố, sử dụng thông tin. Tuy nhiên, sai số phải quy định giới hạn cho phép, có thể chấp nhận được.

Câu hỏi 26. Tính độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê trong hoạt động thống kê được hiểu như thế nào?

Trả lời:

Điều 4 (Nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê) và Điều 33 (Người làm công tác thống kê) Luật thống kê quy định về tính độc lập chuyên môn, nghiệp vụ thống kê.

Độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ được hiểu là: Người làm công tác thống kê ***có quyền và trách nhiệm độc lập***, thực hiện đúng đắn và đầy đủ những quy định về chuyên môn, nghiệp vụ. Không một tổ chức, cá nhân nào vì bất kỳ lý do gì mà ép buộc tổ chức và người làm công tác thống kê vi phạm các phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ do cơ quan có thẩm quyền quy định.

Câu hỏi 27. Nguyên tắc thống nhất được thể hiện như thế nào trong Luật thống kê?

Trả lời:

Nguyên tắc thống nhất được Luật thống kê quy định tại khoản 3 Điều 4 như sau: "Thống nhất về chỉ tiêu, biểu mẫu, phạm vi, phương pháp tính, kỳ báo cáo, bảng phân loại, đơn vị đo lường, niên độ thống kê và bảo đảm so sánh quốc tế".

Nguyên tắc này được thể hiện ở các quy định trong Luật thống kê như:

- Giải thích từ ngữ (Điều 3);
- Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (Điều 8);
- Bảng phân loại thống kê (Điều 9);
- Chương trình điều tra thống kê quốc gia (Điều 11);
- Chế độ báo cáo thống kê cơ sở (Điều 18);
- Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp (Điều 21);
- Thẩm quyền quyết định, quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được điều tra, báo cáo, công bố, sử dụng thông tin (Điều 16, Điều 19, Điều 22, Điều 25, Điều 26).

Câu hỏi 28. Nguyên tắc công khai về phương pháp thu thập, tổng hợp, công bố thông tin thống kê trong Luật thống kê được hiểu như thế nào?

Trả lời:

Hoạt động thống kê là hoạt động có tính chất chuyên môn, nghiệp vụ, trong đó khâu thu thập và sử dụng thông tin liên quan đến mọi tổ chức, cá nhân. Vì vậy, tổ chức và người làm

công tác thống kê cần phải công khai về phương pháp thu thập, tổng hợp, công bố thông tin cho tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp thông tin (khi thu thập) và cho tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin (khi công bố). Điều này có ý nghĩa để cho các tổ chức, cá nhân hiểu biết bản chất thông tin và tin cậy khi sử dụng, đồng thời ràng buộc tổ chức và người làm công tác thống kê tuân thủ các quy định về chuyên môn, nghiệp vụ, bảo đảm tính minh bạch của thông tin.

Câu hỏi 29. Nguyên tắc không trùng lặp, chồng chéo giữa các cuộc điều tra thống kê, các chế độ báo cáo thống kê thể hiện ở nội dung nào của Luật thống kê?

Trả lời:

Khoản 4 Điều 4 Luật thống kê quy định: "Không trùng lặp, chồng chéo giữa các cuộc điều tra thống kê, chế độ báo cáo thống kê".

Nguyên tắc này thể hiện ở các nội dung sau:

- Hệ thống thông tin thống kê (Điều 7);
- Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia với sự phân công cụ thể việc thu thập, tổng hợp, công bố thông tin giữa hệ thống tổ chức thống kê tập trung và tổ chức thống kê bộ, ngành (Điều 8);
- Chương trình điều tra thống kê quốc gia (Điều 11);
- Vai trò thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê đối với phương án điều tra, chế độ báo cáo thống kê cơ sở và chế độ báo cáo thống kê tổng hợp (Điều 13, Điều 18, Điều 21).

Câu hỏi 30. Nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trong việc tiếp cận và sử dụng thông tin thống kê nhà nước đã được công bố công khai được hiểu như thế nào?

Trả lời:

Thông tin thống kê nhà nước là tài sản quốc gia, được thu thập, tổng hợp bằng kinh phí của ngân sách nhà nước, phải được công bố công khai, trừ những thông tin phải được giữ bí mật. Chính vì vậy, Luật thống kê đã quy định nguyên tắc thứ 6: "Bảo đảm quyền bình đẳng trong việc tiếp cận và sử dụng thông tin thống kê nhà nước đã được công bố công khai" (khoản 6 Điều 4) và khoản 1 Điều 20 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 quy định: "Thông tin thống kê đã được người có thẩm quyền công bố là tài sản công. Mọi tổ chức, cá nhân được bình đẳng trong việc tiếp cận và sử dụng thông tin thống kê đã được công bố".

Câu hỏi 31. Những thông tin thống kê về từng tổ chức, cá nhân chỉ được sử dụng cho mục đích tổng hợp thống kê được hiểu như thế nào?

Trả lời:

Luật thống kê quy định: "Những thông tin thống kê về từng tổ chức, cá nhân chỉ được sử dụng cho mục đích tổng hợp thống kê", nghiêm cấm "tiết lộ thông tin thống kê gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng tổ chức, cá nhân khi chưa được sự đồng ý của tổ chức, cá nhân đó". Những thông tin thống kê về từng tổ chức, cá nhân được cung cấp cho điều tra viên, cho cơ quan thống kê theo quy định trong quyết định điều tra hay chế độ báo cáo thống kê cơ sở chỉ được sử dụng cho mục đích tổng hợp thống kê chung, không được tiết lộ cho bất cứ ai, cho bất cứ mục đích nào khác. Đây là nguyên tắc quan trọng để bảo đảm cho tổ chức, cá nhân yên tâm cung cấp một cách trung thực thông tin thống kê.

Câu hỏi 32. Việc ứng dụng khoa học, công nghệ vào hoạt động thống kê được hiểu như thế nào?

Trả lời:

Điều 5 Luật thống kê quy định: "Nhà nước ưu tiên đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông và phương pháp thống kê tiên tiến vào hoạt động thống kê."

Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 (Điều 3) đã quy định việc ứng dụng khoa học, công nghệ vào hoạt động thống kê được Nhà nước ưu tiên đầu tư để:

1. Ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông vào hoạt động thu thập, xử lý, tổng hợp, công bố thông tin, xây dựng ngân hàng dữ liệu thống kê.

2. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, phương pháp thống kê tiên tiến vào hoạt động điều tra, báo cáo, tổng hợp, phân tích và công bố thông tin thống kê.
3. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thống kê về ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin và phương pháp thống kê tiên tiến.

Câu hỏi 33. Luật thống kê quy định những hành vi nào bị nghiêm cấm trong hoạt động thống kê?

Trả lời:

Điều 6 Luật thống kê quy định các hành vi sau đây bị nghiêm cấm trong hoạt động thống kê:

1. Không thực hiện hoặc cản trở việc thực hiện chế độ báo cáo, điều tra thống kê;
2. Khai man thông tin; báo cáo, công bố thông tin thống kê sai sự thật; ép buộc người khác khai man thông tin, báo cáo, công bố thông tin thống kê sai sự thật;
3. Tiết lộ thông tin thống kê thuộc danh mục bí mật nhà nước; tiết lộ thông tin thống kê gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng tổ chức, cá nhân khi chưa được sự đồng ý của tổ chức, cá nhân đó;
4. Quyết định điều tra, ban hành chế độ báo cáo thống kê trái quy định của pháp luật;
5. Các hành vi khác vi phạm pháp luật về thống kê.

II. HỆ THỐNG THÔNG TIN THỐNG KÊ

Câu hỏi 34. Hệ thống thông tin thống kê gồm những gì và được hình thành như thế nào?

Trả lời:

1. Hệ thống thông tin thống kê bao gồm:

a. Thông tin thống kê do hệ thống tổ chức thống kê tập trung trực tiếp thực hiện và tổng hợp từ thông tin thống kê do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý chung của Nhà nước;

b. Thông tin thống kê do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu tổng hợp của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và yêu cầu quản lý, sử dụng của các cơ quan đó.

2. Hệ thống thông tin thống kê được hình thành như sau:

a. Thông tin thống kê kinh tế - xã hội đáp ứng yêu cầu quản lý chung của Nhà nước, bao gồm:

- Thông tin thống kê do cơ quan thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung ở cấp huyện, cấp tỉnh và Tổng cục Thống kê trực tiếp thực hiện thông qua các cuộc tổng điều tra do Thủ tướng Chính phủ hoặc các cuộc điều tra do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quyết định, thông qua chế độ báo cáo thống kê cơ sở do Thủ tướng Chính phủ ban hành, thông qua chế độ báo cáo thống kê do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quyết định áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, phòng Thống kê huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

- Thông tin thống kê được tổng hợp từ chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do Thủ tướng Chính phủ ban hành áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện;

- Thông tin thống kê do các cấp của hệ thống Tòa án, Viện kiểm sát thực hiện và cung cấp cho các cơ quan của hệ thống tổ chức thống kê tập trung cùng cấp để tổng hợp phục vụ quản lý chung của Nhà nước.

b. Thông tin thống kê phục vụ cho yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao do các cơ quan này thực hiện thông qua các cuộc điều tra, chế độ báo cáo thống kê cơ sở, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

Câu hỏi 35. Những loại thông tin nào thuộc thẩm quyền công bố thông tin thống kê của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương?

Trả lời:

Thông tin thống kê do hệ thống tổ chức thống kê tập trung trực tiếp thực hiện bao gồm cả thông tin do Cục Thống kê trực thuộc Tổng cục Thống kê đặt tại cấp tỉnh thực hiện để phục vụ yêu cầu quản lý của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin thống kê của các đối tượng khác. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương không có thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo thống kê mà chỉ quyết định các cuộc điều tra thống kê theo yêu cầu quản lý của địa phương ngoài các cuộc điều tra thống kê do Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành quyết định. Vì vậy, chỉ những thông tin thống kê là kết quả các cuộc điều tra thống kê phục vụ yêu cầu quản lý của địa phương quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật thống kê mới thuộc thẩm quyền công bố của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Câu hỏi 36. Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia có vai trò như thế nào?

Trả lời:

Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia là tập hợp những chỉ tiêu thống kê phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đất nước, phục vụ các cơ quan, lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân khác.

Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia là cơ sở để phân công, phối hợp trong việc thu thập, tổng hợp, phân tích và công bố thông tin thống kê, xây dựng chương trình điều tra thống kê quốc gia, xây dựng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp và chế độ báo cáo thống kê cơ sở.

Câu hỏi 37. Hệ thống chỉ tiêu thống kê được hình thành và ban hành như thế nào?

Trả lời:

1. Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Tổng cục Thống kê chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ ban hành.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được phân công và yêu cầu quản lý, sử dụng của bộ, ngành đề ban hành các chỉ tiêu thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách. Như vậy, chỉ tiêu thống kê bộ ngành bao gồm:

- Những chỉ tiêu thống kê quốc gia được phân công thu thập, tổng hợp;
- Những chỉ tiêu thống kê phục vụ yêu cầu quản lý, sử dụng thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được ban hành bao gồm danh mục chỉ tiêu, các phân tổ chủ yếu, kỳ hạn báo cáo và phân công thực hiện.

Câu hỏi 38. Mỗi quan hệ giữa hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và các chỉ tiêu thống kê bộ, ngành?

Trả lời:

Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và các chỉ tiêu thống kê bộ, ngành có quan hệ chặt chẽ và bổ sung cho nhau. Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia là tập hợp những chỉ tiêu thống kê phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đất nước; các chỉ tiêu thống kê của bộ, ngành bao gồm những chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia đã được phân công thu thập, tổng hợp và những chỉ tiêu phục vụ yêu cầu quản lý, sử dụng thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

Câu hỏi 39. Tại sao Luật thống kê không có quy định về hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện?

Trả lời:

Luật thống kê không có quy định về hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện vì:

Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và chỉ tiêu thống kê của bộ, ngành đã đáp ứng đầy đủ các nhu cầu thông tin thống kê của các cấp, trong đó có cấp tỉnh, cấp huyện. Trong hệ thống tổ chức thống kê tập trung sẽ có sự phân công, phân cấp thực hiện các chỉ tiêu thống kê cho cấp tỉnh, cấp huyện để đáp ứng yêu cầu quản lý chung của cơ quan Nhà nước các cấp.

Ngoài ra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền quyết định các cuộc điều tra thống kê để phục vụ yêu cầu quản lý của địa phương.

Câu hỏi 40. Vai trò và nguyên tắc xây dựng các bảng phân loại thống kê?

Trả lời:

Các bảng phân loại thống kê được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dùng làm chuẩn mực và sử dụng thống nhất trong hoạt động thống kê, đặc biệt là phục vụ việc tổng hợp và phân tích thống kê.

Việc xây dựng bảng phân loại thống kê phải tuân thủ các yêu cầu sau đây:

- Bảo đảm đầy đủ về nội dung, phạm vi của tổng thể;
- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, tính hệ thống và tương thích giữa các bảng phân loại thống kê;
- Bảo đảm so sánh quốc tế;
- Bảo đảm tính khả thi.

Câu hỏi 41. Thẩm quyền ban hành bảng phân loại thống kê được quy định như thế nào?

Trả lời:

Thẩm quyền ban hành bảng phân loại thống kê được quy định tại Điều 6 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 như sau:

1. Tổng cục Thống kê chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các bảng phân loại thống kê sau đây:

- a) Bảng hệ thống ngành kinh tế quốc dân;
- b) Bảng danh mục đơn vị hành chính;
- c) Bảng danh mục dân tộc;
- d) Bảng danh mục sản phẩm chủ yếu;
- e) Bảng danh mục nghề nghiệp;
- f) Bảng danh mục giáo dục, đào tạo;
- g) Các bảng phân loại thống kê khác áp dụng chung cho nhiều ngành, lĩnh vực như danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu, danh mục tiêu dùng của dân cư, danh mục chi tiêu theo mục đích của Chính phủ, v.v...

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành bảng phân loại thống kê chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

Câu hỏi 42. Tổng cục Thống kê có vai trò nhiệm vụ gì trong việc phối hợp, xây dựng bảng phân loại thống kê? Mối quan hệ giữa các bảng phân loại thống kê do Thủ tướng Chính phủ ban hành và các bảng phân loại thống kê do bộ, ngành ban hành?

Trả lời:

Tổng cục Thống kê giữ vai trò chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ các bảng phân loại thống kê thuộc thẩm quyền ban hành của Thủ tướng Chính phủ.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành bảng phân loại thống kê chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách. Các bảng phân loại thống kê do bộ, ngành ban hành đều phải đáp ứng các yêu cầu của việc xây dựng, ban hành bảng phân loại thống kê và không được trùng lặp hoặc chồng chéo với các bảng phân loại thống kê do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

III. ĐIỀU TRA THỐNG KÊ

Câu hỏi 43. Có những hình thức chủ yếu nào để thu thập thông tin thống kê?

Trả lời:

Điều 10 Luật thống kê quy định có hai hình thức chủ yếu để thu thập thông tin thống kê:

- Điều tra thống kê;
- Báo cáo thống kê.

Báo cáo thống kê bao gồm báo cáo thống kê cơ sở và báo cáo thống kê tổng hợp.

Câu hỏi 44. Điều tra thống kê là gì và được áp dụng trong các trường hợp nào?

Trả lời:

Điều tra thống kê là hình thức thu thập thông tin thống kê theo phương án điều tra.

Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 quy định điều tra thống kê được tiến hành trong các trường hợp sau:

1. Tổng điều tra thống kê để thu thập những thông tin thống kê cơ bản, trên phạm vi cả nước theo chu kỳ dài, quy mô lớn, phạm vi rộng liên quan nhiều ngành, nhiều cấp, sử dụng lực lượng và kinh phí lớn.

2. Điều tra thống kê để thu thập những thông tin thống kê từ các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong các trường hợp sau:

a. Điều tra thống kê để thu thập những thông tin thống kê từ các tổ chức không phải thực hiện chế độ báo cáo thống kê;

b. Điều tra thống kê để bổ sung thông tin từ các tổ chức có thực hiện chế độ báo cáo thống kê;

c. Điều tra thống kê để thu thập những thông tin từ hộ hoặc cơ sở kinh doanh cá thể, hộ gia đình, cá nhân;

d. Điều tra thống kê để thu thập những thông tin thống kê khi có nhu cầu đột xuất.

Câu hỏi 45. Nội dung và vai trò của chương trình điều tra thống kê quốc gia được thể hiện như thế nào?

Trả lời:

Chương trình điều tra thống kê quốc gia được ban hành bao gồm: Danh mục các cuộc điều tra, thời kỳ, thời điểm điều tra, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện, dự toán kinh phí và nguồn kinh phí điều tra.

Chương trình điều tra thống kê quốc gia có vai trò trên nhiều mặt:

1. Là căn cứ để kế hoạch hoá các cuộc điều tra, tạo sự chủ động và ổn định cho hoạt động thống kê;

2. Là căn cứ pháp lý để quyết định các cuộc điều tra thống kê;

3. Tránh được sự trùng lặp, chồng chéo giữa các cuộc điều tra thống kê, tiết kiệm về thời gian, vật chất và nguồn lực.

Câu hỏi 46. Trách nhiệm của Tổng cục Thống kê và các bộ, ngành trong việc xây dựng chương trình điều tra thống kê quốc gia?

Trả lời:

Theo Điều 8 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 quy định:

1. Tổng cục Thống kê giữ vai trò chủ trì, tổng hợp nhu cầu về các cuộc điều tra thống kê tiến hành trong 5 năm và hàng năm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và các cuộc điều tra do Tổng cục Thống kê trực tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật thống kê, trên cơ sở đó xây dựng chương trình điều tra thống kê quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, bảo đảm các cuộc điều tra phù hợp với yêu cầu thu thập thông tin của Nhà nước.

Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện chương trình điều tra thống kê quốc gia và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện.

2. Các bộ, ngành căn cứ chỉ tiêu thống kê trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được phân công và chế độ báo cáo thống kê tổng hợp của Nhà nước, đề nghị các cuộc điều tra thống kê dự kiến tiến hành trong 5 năm và hàng năm, gửi Tổng cục Thống kê trong quý II năm trước của kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm.

Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm rà soát, cân đối các cuộc điều tra thống kê do các bộ, ngành đề nghị và các cuộc điều tra thống kê do Tổng cục Thống kê tiến hành, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Câu hỏi 47. Điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia được tiến hành trong các trường hợp nào?

Trả lời:

Điều 9 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 quy định các cuộc điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia được tiến hành trong các trường hợp sau:

1. Điều tra thống kê đột xuất khi có thiên tai, dịch hoạ, dịch bệnh hoặc các trường hợp đột xuất khác.

2. Điều tra thống kê để thu thập thông tin về các chỉ tiêu phục vụ yêu cầu quản lý của bộ, ngành thuộc lĩnh vực phụ trách nhưng chưa có trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

3. Điều tra thống kê của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nhằm thu thập thông tin thống kê có tính chất đặc thù phục vụ yêu cầu quản lý của địa phương mà những thông tin đó chưa có trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Câu hỏi 48. Thẩm quyền quyết định điều tra thống kê được quy định như thế nào?

Trả lời:

Thẩm quyền quyết định điều tra thống kê được quy định tại Điều 10 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 như sau:

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định các cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở, Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản, Tổng điều tra các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp và các cuộc Tổng điều tra khác theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện các cuộc tổng điều tra thống kê.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quyết định các cuộc điều tra thống kê được phân công trong chương trình điều tra thống kê quốc gia, các cuộc điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia để thu thập những thông tin thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, quyết định các cuộc điều tra thống kê được phân công thuộc chương trình điều tra thống kê quốc gia, các cuộc điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia; gửi kết quả điều tra cho Tổng cục Thống kê.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quyết định các cuộc điều tra thống kê theo yêu cầu quản lý của địa phương ngoài các cuộc tổng điều tra do Thủ tướng Chính phủ quyết định và các cuộc điều tra do các bộ, ngành quyết định; gửi kết quả điều tra cho Tổng cục Thống kê.

Câu hỏi 49. Phương án điều tra thống kê bao gồm những nội dung gì?

Trả lời:

Phương án điều tra thống kê bao gồm các quy định và hướng dẫn về:

- Mục đích, yêu cầu;
- Phạm vi, đối tượng, đơn vị;
- Nội dung, phương pháp điều tra;
- Thời điểm, thời gian điều tra;
- Cơ quan tiến hành điều tra và lực lượng thực hiện điều tra;
- Tổng hợp, phân tích, công bố kết quả điều tra;
- Kinh phí và các điều kiện vật chất khác bảo đảm thực hiện;
- Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan.

Câu hỏi 50. Thẩm quyền quyết định phương án điều tra thống kê được quy định như thế nào?

Trả lời:

Khoản 3 Điều 13 Luật thống kê quy định người quyết định điều tra thống kê quyết định phương án điều tra thống kê:

- Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc giao cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quyết định phương án các cuộc Tổng điều tra thống kê.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định phương án điều tra đối với các cuộc điều tra thống kê thuộc thẩm quyền.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định phương án điều tra các cuộc điều tra thống kê thuộc thẩm quyền.

Câu hỏi 51. Vì sao Tổng cục Thống kê phải thẩm định phương án điều tra thống kê của các bộ, ngành và của UBND tỉnh, thành phố?

Trả lời:

Các cuộc điều tra thống kê tuy đã được kế hoạch hoá thống nhất bằng chương trình điều tra thống kê quốc gia, nhưng nội dung thể hiện trên phương án điều tra phải được thẩm định để bảo đảm tính thống nhất về phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ thống kê, không trùng lặp, chồng chéo.

Tổng cục Thống kê là cơ quan thống kê trung ương, có vai trò chủ trì, điều phối công tác thống kê trên cả nước, đồng thời là cơ quan chuyên ngành về thống kê, quản lý và chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê. Vì vậy phương án điều tra thống kê của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố phải có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê để bảo đảm thống nhất về nội dung, phương pháp tính và tránh trùng lặp, chồng chéo giữa các cuộc điều tra và chế độ báo cáo.

Câu hỏi 52. Việc thẩm định phương án điều tra thống kê được quy định như thế nào?

Trả lời:

Việc thẩm định phương án điều tra thống kê được quy định tại Điều 11 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 như sau:

1. Tổng cục Thống kê có trách nhiệm thẩm định phương án điều tra thống kê của các bộ, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại Điều 13 Luật thống kê, bảo đảm tính thống nhất, không trùng lặp trong điều tra thống kê.
2. Hồ sơ thẩm định gồm: Văn bản đề nghị thẩm định và bản dự thảo phương án điều tra thống kê.
3. Nội dung thẩm định gồm: Phạm vi, đối tượng điều tra, đơn vị điều tra; mẫu phiếu điều tra; thời điểm, thời gian tiến hành điều tra; phương pháp điều tra, phương pháp tính, tổng hợp các chỉ tiêu điều tra.
4. Thời hạn thẩm định phương án điều tra thống kê là 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định.

Cơ quan quyết định điều tra thống kê nghiên cứu ý kiến thẩm định; sửa đổi, bổ sung phương án điều tra thống kê cho phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê trước khi ban hành. Quyết định điều tra và phương án điều tra sau khi ban hành phải được gửi cho Tổng cục Thống kê.

Câu hỏi 53. Kinh phí điều tra thống kê được quy định như thế nào?

Trả lời:

Kinh phí điều tra thống kê được quy định tại Điều 12 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 như sau:

1. Kinh phí để thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong dự toán ngân sách của các cơ quan theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước (bao gồm cả nguồn kinh phí khác do tổ chức quốc tế tài trợ theo chương trình dự án) theo quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra.
2. Kinh phí bảo đảm cho các cuộc điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia do Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Tổng cục Thống kê và các bộ, ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định theo quy định hiện hành.
3. Kinh phí bảo đảm cho các cuộc điều tra thống kê do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định do ngân sách địa phương bảo đảm.
4. Dự toán kinh phí bảo đảm cho các cuộc điều tra thống kê phải được lập và gửi cho cơ quan tài chính để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.
5. Cơ quan tài chính các cấp căn cứ dự toán kinh phí các cuộc điều tra được tiến hành theo quy định để bảo đảm kinh phí cho các cuộc điều tra, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí điều tra thống kê theo quy định của Luật Ngân sách.

Câu hỏi 54. Cơ quan tiến hành điều tra thống kê có quyền và nghĩa vụ gì?

Trả lời:

Điều 15 Luật thống kê đã quy định cơ quan tiến hành điều tra thống kê có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Chỉ đạo, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện phương án điều tra thống kê;
- Tổ chức tổng hợp, phân tích, công bố kết quả điều tra thống kê;

- Phải chịu trách nhiệm về tính khách quan và chính xác của thông tin điều tra, giữ bí mật thông tin theo quy định của Luật thống kê.

Câu hỏi 55. Người thực hiện điều tra thống kê có quyền và nghĩa vụ gì?

Trả lời:

Điều 15 Luật thống kê quy định quyền và nghĩa vụ của người thực hiện điều tra thống kê như sau:

- Được tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ điều tra thống kê; được hưởng các chế độ đã quy định trong điều tra của nhà nước;
- Thực hiện điều tra theo đúng phương án điều tra thống kê;
- Phải chịu trách nhiệm về tính khách quan và chính xác của thông tin điều tra, giữ bí mật thông tin theo quy định của Luật thống kê.

Câu hỏi 56. Tổ chức, cá nhân được điều tra thống kê có quyền và nghĩa vụ gì?

Trả lời:

Điều 13 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 quy định tổ chức, cá nhân được điều tra thống kê có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Không được từ chối hoặc cản trở việc thực hiện điều tra thống kê của Nhà nước;
- Cung cấp thông tin thống kê trung thực, đầy đủ và đúng thời hạn theo yêu cầu của điều tra viên thống kê;
- Trong trường hợp điều tra theo phương pháp gián tiếp, tổ chức, cá nhân được điều tra thống kê phải ghi trung thực, đầy đủ theo yêu cầu của phiếu điều tra và gửi đúng hạn cho cơ quan tiến hành điều tra thống kê;
- Được thông báo về quyết định, mục đích, yêu cầu, thời hạn của cuộc điều tra thống kê;
- Được bảo đảm bí mật thông tin đã cung cấp theo quy định của pháp luật;
- Khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về điều tra thống kê.

Câu hỏi 57. Điều tra thống kê của các tổ chức, cá nhân ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 24 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 quy định điều tra thống kê của các tổ chức, cá nhân ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước như sau:

1. Tổ chức, cá nhân ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước được tiến hành các cuộc điều tra thống kê phục vụ nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh trong phạm vi chức năng, lĩnh vực hoạt động; nếu điều tra thống kê ngoài phạm vi chức năng, lĩnh vực hoạt động, phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực đó.
2. Các cuộc điều tra thống kê của các tổ chức, cá nhân ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước được tiến hành theo nguyên tắc tự nguyện của tổ chức, cá nhân được điều tra về nội dung điều tra, thời điểm điều tra.
3. Kết quả điều tra thống kê này không thay thế thông tin thống kê đã công bố theo quy định của Điều 25 Luật thống kê.
4. Các tổ chức ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước nhưng có sử dụng ngân sách nhà nước để điều tra thống kê thì phải gửi kết quả điều tra cho Tổng cục Thống kê.
5. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước tiến hành điều tra thống kê làm phương hại đến lợi ích quốc gia, lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân.

IV. BÁO CÁO THỐNG KÊ

Câu hỏi 58. Báo cáo thống kê là gì?

Trả lời:

Khoản 7 Điều 3 Luật thống kê quy định: "Báo cáo thống kê là hình thức thu thập thông tin thống kê theo chế độ báo cáo thống kê do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Báo cáo thống kê bao gồm báo cáo thống kê cơ sở và báo cáo thống kê tổng hợp."

Câu hỏi 59. Những nội dung nào phải quy định trong chế độ báo cáo thống kê cơ sở?

Trả lời:

Điều 17 Luật thống kê quy định chế độ báo cáo thống kê cơ sở như sau:

Chế độ báo cáo thống kê cơ sở bao gồm các quy định về đối tượng thực hiện, phạm vi, nội dung báo cáo, kỳ hạn, thời hạn thực hiện, nơi nhận báo cáo do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để thu thập thông tin thống kê từ các chứng từ, sổ ghi chép số liệu ban đầu.

Câu hỏi 60. Những yêu cầu chủ yếu của việc xây dựng chế độ báo cáo thống kê cơ sở?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 quy định việc xây dựng chế độ báo cáo thống kê cơ sở phải bảo đảm các yêu cầu chủ yếu sau:

- a) Không được trùng lặp về nội dung, kỳ báo cáo giữa các chế độ báo cáo;
- b) Đáp ứng yêu cầu của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp và yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực;
- c) Bảo đảm tính khả thi.

Câu hỏi 61. Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở bao gồm những tổ chức nào?

Trả lời:

Điều 14 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 quy định đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở bao gồm:

- Doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập;
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;
- Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có sử dụng ngân sách Nhà nước;
- Cơ quan, đơn vị khác được quy định cụ thể trong từng chế độ báo cáo thống kê cơ sở.

Các đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở có trách nhiệm gửi báo cáo thống kê cơ sở cho Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan chủ quản và cơ quan khác được quy định trong chế độ báo cáo thống kê cơ sở.

Câu hỏi 62. Thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 18 Luật thống kê quy định thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở như sau:

1. Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở để thu thập thông tin thống kê đối với những chỉ tiêu thống kê quốc gia do Tổng cục Thống kê được phân công thực hiện.
2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở để thu thập thông tin thống kê đối với những chỉ tiêu thống kê quốc gia được phân công thực hiện và các chỉ tiêu thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê.

Câu hỏi 63. Tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở có quyền và nghĩa vụ gì?

Trả lời:

Tổ chức là đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Không được từ chối hoặc cản trở việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành;
- Ghi chép, tổng hợp số liệu, lập và nộp báo cáo theo quy định của chế độ báo cáo thống kê cơ sở;
- Lập báo cáo thống kê cơ sở trung thực, chính xác, đầy đủ trên cơ sở các chứng từ và sổ ghi chép số liệu ban đầu; tính toán, tổng hợp các chỉ tiêu đúng nội dung và phương pháp theo quy định của chế độ báo cáo thống kê cơ sở;
- Khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó vi phạm quy định của pháp luật về chế độ báo cáo thống kê cơ sở.

Câu hỏi 64. Tổng cục Thống kê thẩm định chế độ báo cáo thống kê do bộ, cơ quan ngang bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành như thế nào?

Trả lời:

Điều 17 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 quy định:

1. Tổng cục Thống kê có trách nhiệm thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ đối với chế độ báo cáo thống kê cơ sở, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.
2. Hồ sơ thẩm định gồm: văn bản đề nghị thẩm định, dự thảo chế độ báo cáo thống kê, các mẫu biểu báo cáo, bản giải thích và bản hướng dẫn thực hiện.
3. Nội dung thẩm định gồm: đối tượng áp dụng chế độ báo cáo, phạm vi thu thập, tổng hợp, mẫu biểu báo cáo, nguồn số liệu, phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê, kỳ hạn báo cáo, nơi nhận báo cáo và các yêu cầu của việc xây dựng chế độ báo cáo.
4. Thời hạn thẩm định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thẩm định.
5. Cơ quan ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở, báo cáo thống kê tổng hợp nghiên cứu ý kiến thẩm định, sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo cho phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê trước khi ban hành. Quyết định ban hành chế độ báo cáo, mẫu biểu báo cáo, bản giải thích và bản hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo sau khi ban hành phải được gửi cho Tổng cục Thống kê.

Câu hỏi 65. Sự khác nhau giữa chế độ báo cáo thống kê cơ sở do Thủ tướng Chính phủ ban hành và chế độ báo cáo thống kê cơ sở do bộ, ngành ban hành?

Trả lời:

Chế độ báo cáo thống kê cơ sở do Thủ tướng Chính phủ ban hành nhằm thu thập những thông tin thống kê đối với những chỉ tiêu thống kê quốc gia do Tổng cục Thống kê được phân công thực hiện.

Chế độ báo cáo thống kê cơ sở do bộ, ngành ban hành nhằm thu thập những thông tin thống kê đối với những chỉ tiêu thống kê quốc gia được phân công thực hiện và các chỉ tiêu thống kê phục vụ cho việc quản lý của ngành, lĩnh vực.

Câu hỏi 66. Những nội dung nào phải quy định trong chế độ báo cáo thống kê tổng hợp?

Trả lời:

Điều 20 Luật thống kê đã quy định: Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp bao gồm các quy định về đối tượng thực hiện, phạm vi, nội dung báo cáo, kỳ hạn, thời hạn thực hiện, nơi nhận báo cáo do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành để tổng hợp thông tin thống kê từ các báo cáo thống kê cơ sở, báo cáo tài chính, kết quả các cuộc điều tra thống kê và các nguồn thông tin khác.

Câu hỏi 67. Thẩm quyền ban hành và đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp được quy định như thế nào?

Trả lời:

Thẩm quyền ban hành và đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp được quy định như sau:

1. Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do Tổng cục Thống kê xây dựng, trình để áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.
2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê.
3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ban hành chế độ báo cáo thống kê áp dụng riêng đối với các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân để phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê.
4. Cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ký ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh về những

chỉ tiêu thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê.

5. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với hệ thống Tòa án, Viện kiểm sát sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê.

Câu hỏi 68. Những yêu cầu chủ yếu của việc xây dựng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 quy định việc xây dựng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp phải bảo đảm các yêu cầu chủ yếu sau:

- Đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội của Chính phủ, bộ, ngành và địa phương;
- Không được trùng lặp về nội dung, kỳ báo cáo giữa các chế độ báo cáo do Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành ban hành;
- Bảo đảm tính khả thi.

Câu hỏi 69. Vì sao Luật thống kê không quy định thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo thống kê của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương?

Trả lời:

Luật thống kê không quy định thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo thống kê của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do:

- Chế độ báo cáo thống kê cơ sở, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành để đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê quốc gia và các bộ, ngành, nhưng cũng đáp ứng nhu cầu thông tin chủ yếu của cấp tỉnh.
- Trong trường hợp cần thiết, căn cứ vào nhu cầu thông tin đặc thù của địa phương, UBND cấp tỉnh được quyền quyết định các cuộc điều tra thống kê theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Luật thống kê.

Câu hỏi 70. Cơ quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp có quyền và nghĩa vụ gì?

Trả lời:

Cơ quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Không được từ chối hay cản trở việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành;
- Tổ chức thu thập, tổng hợp số liệu, lập và nộp báo cáo theo quy định của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp;
- Lập báo cáo thống kê tổng hợp trung thực, chính xác, đầy đủ trên cơ sở số liệu của các cuộc điều tra thống kê, báo cáo tài chính, báo cáo thống kê cơ sở và các nguồn thông tin khác; tính toán, tổng hợp các chỉ tiêu đúng nội dung và phương pháp theo quy định của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp;
- Khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó vi phạm quy định của pháp luật về chế độ báo cáo thống kê tổng hợp.

Câu hỏi 71. Sự khác nhau giữa chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do Thủ tướng Chính phủ ban hành và chế độ báo cáo tổng hợp do bộ, ngành ban hành?

Trả lời:

Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do Thủ tướng Chính phủ ban hành và chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do bộ, ngành ban hành có hai điểm khác biệt chủ yếu là đối tượng áp dụng và phạm vi chỉ tiêu.

Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do Thủ tướng Chính phủ ban hành áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Tổng cục Thống kê xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp này.

Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh về những chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và những chỉ tiêu thống kê theo yêu cầu quản lý của bộ,

ngành về ngành, lĩnh vực phụ trách sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê.

Câu hỏi 72. Những tổ chức, đơn vị nào là đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở và chế độ báo cáo thống kê tổng hợp?

Trả lời:

1 Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở là các đơn vị cơ sở, nơi phát sinh thông tin ban đầu, gồm: cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan, đơn vị thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp.

2- Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp là các cơ quan tổng hợp, có trách nhiệm tổng hợp thông tin từ các đơn vị cơ sở trực thuộc, bao gồm:

+ Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

+ Các cơ quan thuộc hệ thống Tòa án, Viện kiểm sát.

Câu hỏi 73. Trường hợp nào một tổ chức vừa là đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở vừa là đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp?

Trả lời:

Một tổ chức vừa là đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở, vừa là đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp là cơ quan Nhà nước, cơ quan thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp từ cấp huyện trở lên. Những cơ quan này vừa phải thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở khi báo cáo thông tin thống kê của riêng cơ quan, vừa là đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp khi phải tổng hợp các thông tin từ các đơn vị cơ sở thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách (bao gồm cả cơ quan đó).

Câu hỏi 74. Một tổ chức có thể vừa là đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê vừa là đối tượng được điều tra thống kê không?

Trả lời:

Điều tra thống kê được tiến hành trong các trường hợp sau:

1. Điều tra thống kê để thu thập những thông tin thống kê từ các tổ chức không phải thực hiện chế độ báo cáo thống kê;
2. Điều tra thống kê để bổ sung thông tin từ các tổ chức có thực hiện chế độ báo cáo thống kê;
3. Điều tra thống kê để thu thập những thông tin từ hộ hoặc cơ sở kinh doanh cá thể, hộ gia đình, cá nhân dân cư;
4. Điều tra thống kê để thu thập những thông tin thống kê khi có nhu cầu đột xuất.

Như vậy, trong trường hợp thứ hai và thứ tư nêu trên thì một tổ chức có thể vừa là đối tượng thực hiện chế độ báo cáo, vừa là đối tượng thực hiện được điều tra thống kê khi cần bổ sung thông tin hoặc khi có nhu cầu đột xuất.

Câu hỏi 75. Vì sao phải có sự thẩm định về chuyên môn nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê đối với chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do bộ, ngành ban hành?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 35 Luật thống kê, Tổng cục Thống kê giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thuộc nội dung quản lý Nhà nước về thống kê theo quy định của Chính phủ. Vì vậy, Tổng cục Thống kê có nhiệm vụ chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Các chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do bộ, ngành ban hành cần có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê để bảo đảm tính thống nhất về chỉ tiêu, biểu mẫu, phương pháp tính, đơn vị đo lường và tránh sự trùng lặp, chồng chéo giữa các chế độ báo cáo thống kê, bảo đảm chế độ báo cáo thống kê tổng hợp của các bộ, ngành đáp ứng được yêu cầu của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Câu hỏi 76. Cơ sở dữ liệu thống kê ban đầu và cơ sở dữ liệu thống kê tổng hợp là gì?

Trả lời:

Cơ sở dữ liệu thống kê ban đầu là tập hợp được tổ chức một cách hợp lý những thông tin ghi trên các chứng từ, sổ tổng hợp, tờ khai hải quan, hộ tịch, hộ khẩu, thu chi, tờ khai đăng ký thuế, phiếu điều tra thống kê, báo cáo tài chính và các thông tin thống kê khác được nhập và lưu trữ trong các phương tiện mang tin điện tử, mạng tin học.

Cơ sở dữ liệu thống kê tổng hợp là tập hợp được tổ chức một cách hợp lý những thông tin đã được tổng hợp từ kết quả các cuộc điều tra, các báo cáo thống kê và các nguồn khác được nhập và lưu trữ trong các phương tiện mang tin điện tử, mạng tin học.

Câu hỏi 77. Quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thống kê được quy định như thế nào?

Trả lời:

Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 18 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 quy định quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thống kê của các cơ quan như sau:

1. Cơ quan thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung có quyền truy cập, khai thác, sao lưu, ghi chép lại cơ sở dữ liệu ban đầu liên quan đến hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia của cơ quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp cùng cấp để sử dụng cho mục đích thống kê.

Cơ quan thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung có trách nhiệm giữ bí mật các thông tin thống kê đã khai thác từ cơ sở dữ liệu của các cơ quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp.

2. Cơ quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp có trách nhiệm cung cấp cơ sở dữ liệu thống kê ban đầu và các điều kiện kỹ thuật để các cơ quan thuộc tổ chức thống kê tập trung khai thác được cơ sở dữ liệu.

3. Cơ quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp được cơ quan thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung cung cấp trở lại thông tin thống kê tổng hợp (báo cáo thống kê, niên giám thống kê, sản phẩm điện tử, trang siêu văn bản trên mạng tin học...) và được quyền truy cập, khai thác cơ sở dữ liệu thống kê tổng hợp có liên quan đến ngành, lĩnh vực phụ trách của tổ chức thống kê tập trung để sử dụng cho mục đích thống kê, quản lý.

4. Tổng cục Thống kê thống nhất với các bộ, ngành về quy chế khai thác cơ sở dữ liệu thống kê phù hợp với tình hình cơ sở dữ liệu và sự tiến bộ của công nghệ thông tin.

V. CÔNG BỐ VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN THỐNG KÊ

Câu hỏi 78. Việc công bố thông tin thống kê được quy định như thế nào?

Trả lời:

1. Thông tin thống kê do tổ chức thống kê nhà nước thực hiện phải được công bố công khai, đúng thời hạn quy định của từng nội dung và cho từng loại đối tượng, trừ những thông tin thống kê gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng tổ chức, cá nhân khi chưa được tổ chức, cá nhân đó đồng ý cho công bố và những thông tin thống kê thuộc danh mục bí mật nhà nước.

2. Thông tin thống kê do người có thẩm quyền công bố là thông tin thống kê có giá trị pháp lý. Người có thẩm quyền công bố thông tin thống kê chịu trách nhiệm về độ tin cậy của thông tin thống kê đã công bố. Không một tổ chức, cá nhân nào được ép buộc hoặc gợi ý có tính chất bắt buộc tổ chức, cá nhân làm công tác thống kê công bố thông tin thống kê sai sự thật; hoặc sửa chữa, thay đổi thông tin thống kê do người có thẩm quyền công bố.

Câu hỏi 79. Thẩm quyền công bố thông tin thống kê được quy định như thế nào?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 quy định về thẩm quyền công bố thông tin thống kê như sau:

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê công bố thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, công bố thông tin thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách ngoài các thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Những chỉ tiêu thống kê quốc gia phân công cho bộ, ngành thu thập, tổng hợp phải được gửi cho Tổng cục Thống kê thẩm định và công bố.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công bố thông tin thống kê từ kết quả các cuộc điều tra thống kê do mình quyết định.

Thông tin thống kê của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê công bố hoặc ủy quyền cho Cục trưởng Cục Thống kê công bố theo quy định phân cấp trong hệ thống tổ chức thống kê tập trung.

Câu hỏi 80. Thời hạn, hình thức và phương tiện công bố thông tin thống kê được quy định như thế nào?

Trả lời:

1. Thời hạn công bố thông tin thống kê được quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 như sau:

- Niên giám thống kê hàng năm phải được công bố chậm nhất vào tháng 6 năm sau;
- Thông tin thống kê tổng hợp về kinh tế - xã hội hàng tháng, hàng quý phải được công bố theo đúng thời hạn quy định của từng loại báo cáo;
- Kết quả điều tra thống kê phải được công bố theo thời hạn quy định trong phương án điều tra thống kê.

2. Hình thức và phương tiện công bố thông tin thống kê được quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 bao gồm: Niên giám thống kê, hợp báo, các sản phẩm thống kê bằng văn bản, điện tử trên mạng tin học và các phương tiện thông tin đại chúng.

Câu hỏi 81. Những thông tin thống kê nào phải được giữ bí mật?

Trả lời:

Điều 27 Luật thống kê quy định những thông tin thống kê phải được giữ bí mật bao gồm:

- Thông tin thống kê gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp được tổ chức, cá nhân đó đồng ý cho công bố;
- Những thông tin thống kê thuộc danh mục bí mật nhà nước.

Câu hỏi 82. Tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê có quyền và trách nhiệm gì?

Trả lời:

Tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê có quyền và trách nhiệm sau đây:

- Thông tin thống kê đã được người có thẩm quyền công bố là tài sản công. Mọi tổ chức, cá nhân được bình đẳng trong việc tiếp cận, sử dụng thông tin thống kê đã được công bố.
- Việc trích dẫn, sử dụng thông tin thống kê đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố phải trung thực và ghi rõ nguồn gốc của thông tin. Nghiêm cấm sử dụng thông tin thống kê vào những việc làm phương hại đến lợi ích quốc gia và lợi ích của tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin.

VI. TỔ CHỨC THỐNG KÊ

Câu hỏi 83. Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước bao gồm những cơ quan nào?

Trả lời:

Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước bao gồm:

- Hệ thống tổ chức thống kê tập trung;
- Tổ chức thống kê thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tổ chức thống kê thuộc hệ thống Tòa án, Viện kiểm sát.

Câu hỏi 84. Hệ thống tổ chức thống kê tập trung được tổ chức như thế nào?

Trả lời:

Luật thống kê quy định hệ thống tổ chức thống kê tập trung được tổ chức theo ngành dọc gồm cơ quan thống kê trung ương và cơ quan thống kê địa phương. Nghị định số 101/2003/NĐ-CP ngày 3/9/2003 quy định cụ thể như sau:

- ở Trung ương có cơ quan Tổng cục Thống kê;
- ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có Cục Thống kê trực thuộc Tổng cục Thống kê;
- ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có Phòng Thống kê trực thuộc Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Câu hỏi 85. Vị trí và chức năng của Tổng cục Thống kê được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 1 Nghị định số 101/2003/NĐ-CP ngày 03/9/2003 quy định vị trí và chức năng của Tổng cục Thống kê như sau:

Tổng cục Thống kê là cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về thống kê; tổ chức thực hiện hoạt động thống kê và cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật; quản lý nhà nước các dịch vụ công và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Tổng cục Thống kê quản lý theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 86. Tổng cục Thống kê có những nhiệm vụ và quyền hạn gì?

Trả lời:

Điều 2 Nghị định số 101/2003/NĐ-CP ngày 03/9/2003 quy định như sau:

Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thuộc Chính phủ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Chủ trì hoặc tham gia soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác về thống kê theo sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
2. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm, hàng năm về thống kê và các dự án quan trọng của Tổng cục Thống kê.
3. Trình Chính phủ quy định thẩm quyền ban hành các bảng phân loại thống kê (trừ bảng phân loại thống kê thuộc ngành Tòa án và Kiểm sát).
4. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, chế độ báo cáo thống kê cơ sở, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp, chương trình điều tra thống kê quốc gia dài hạn, hàng năm và các cuộc tổng điều tra thống kê theo quy định của pháp luật.
5. Trình Bộ trưởng được Thủ tướng Chính phủ phân công phụ trách thống kê ký ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thống kê theo quy định của pháp luật.
6. Chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch về thống kê, hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia sau khi được phê duyệt; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về thống kê.
7. Chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ chuyên môn đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc báo cáo thống kê, điều tra thống kê và phân loại thống kê thuộc thẩm quyền.
8. Thẩm định về chuyên môn nghiệp vụ chế độ báo cáo, phương án điều tra thống kê của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
9. Tổ chức thu thập thông tin thống kê kinh tế - xã hội, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về thông tin thống kê kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật.
10. Báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thống kê tổng hợp hàng tháng, quý, năm về tình hình kinh tế - xã hội, tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, mức độ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước; các báo cáo phân tích và dự báo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội hàng năm.
11. Giúp Chính phủ thống nhất quản lý việc công bố thông tin thống kê kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật.
12. Công bố thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về độ tin cậy của số liệu thông tin công bố và cung cấp.
13. Biên soạn và xuất bản niên giám thống kê, các sản phẩm thống kê khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và số liệu thống kê của nước ngoài; thực hiện so sánh quốc tế về thống kê.
14. Quản lý các dự án đầu tư và xây dựng thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
15. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê theo quy định của pháp luật.

16. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học thống kê, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong hệ thống tổ chức thống kê tập trung.

17. Quyết định các chủ trương, biện pháp, chỉ đạo hoạt động dịch vụ công trong hệ thống tổ chức thống kê tập trung theo quy định của pháp luật; quản lý và chỉ đạo hoạt động đối với các tổ chức sự nghiệp thuộc Tổng cục Thống kê.

18. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Tổng cục Thống kê theo quy định của pháp luật.

19. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý vi phạm về thống kê theo thẩm quyền.

20. Quyết định và chỉ đạo thực hiện chương trình cải cách hành chính của Tổng cục Thống kê theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

21. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; chỉ đạo thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Thống kê; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về thống kê đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Thống kê.

22. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 87. Vai trò của Tổng cục Thống kê trong việc điều phối hoạt động thống kê được thể hiện trong Luật thống kê như thế nào?

Trả lời:

Hầu hết các Điều trong Luật thống kê đã thể hiện vai trò của Tổng cục Thống kê trong việc điều phối hoạt động thống kê, tập trung nhất ở các Điều sau đây:

- Điều 8 (Thẩm quyền ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê): Tổng cục Thống kê chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành. Thủ trưởng bộ, ngành căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được phân công và yêu cầu quản lý, sử dụng của mình để ban hành các chỉ tiêu thống kê bộ, ngành.

- Điều 9 (Bảng phân loại thống kê): Tổng cục Thống kê chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các bảng phân loại thống kê chung.

- Điều 13 (Phương án điều tra thống kê): Tổng cục Thống kê có trách nhiệm thẩm định phương án điều tra thống kê của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bảo đảm tính thống nhất, không trùng lặp trong điều tra thống kê. Cơ quan quyết định điều tra thống kê có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định; sửa đổi, bổ sung phương án điều tra thống kê trước khi ban hành; gửi quyết định và phương án điều tra chính thức cho Tổng cục Thống kê.

- Điều 18, Điều 21 (Thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp): Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ đối với chế độ báo cáo thống kê cơ sở, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp thuộc thẩm quyền ban hành của bộ, ngành.

- Điều 23 (Quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thống kê): Tổ chức thống kê tập trung bao gồm Tổng cục Thống kê và các cơ quan thống kê địa phương có quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thống kê ban đầu của cơ quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp. Cơ quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp có trách nhiệm cung cấp thông tin thuộc cơ sở dữ liệu thống kê ban đầu do mình quản lý theo yêu cầu của tổ chức thống kê tập trung. Cơ quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp được tổ chức thống kê tập trung cung cấp trở lại thông tin thống kê tổng hợp và được quyền khai thác cơ sở dữ liệu thống kê tổng hợp có liên quan của tổ chức thống kê tập trung.

- Điều 24 (Thẩm quyền công bố thông tin thống kê): Tổng cục Thống kê công bố thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; Thủ trưởng bộ, ngành công bố thông tin

thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách, ngoài thông tin thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; Chủ tịch UBND cấp tỉnh công bố thông tin từ kết quả các cuộc điều tra do UBND cấp tỉnh quyết định.

- Điều 35 (Cơ quan quản lý nhà nước về thống kê): Tổng cục Thống kê giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thuộc nội dung quản lý Nhà nước về thống kê theo quy định của Chính phủ.

- Điều 36 (Thanh tra thống kê): Thanh tra thống kê là thanh tra chuyên ngành về thống kê, có nghĩa là thanh tra việc chấp hành pháp luật về thống kê; phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về thống kê; kiến nghị các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về thống kê, góp phần bảo đảm việc điều phối trong hoạt động thống kê được thực hiện đầy đủ, đúng pháp luật.

Câu hỏi 88. Tổ chức thống kê bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được quy định cụ thể như thế nào?

Trả lời:

Theo khoản 2, khoản 3 Điều 21 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 quy định tổ chức thống kê bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ như sau:

- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phải có phòng thống kê để thực hiện nhiệm vụ thống kê của bộ, ngành; đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có khối lượng công tác thống kê lớn Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Trung tâm thống kê.

- Tổ chức thống kê bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của bộ, ngành và sự hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê.

Câu hỏi 89. Tổ chức thống kê bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có những nhiệm vụ gì?

Trả lời:

Theo khoản 1 Điều 21 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 quy định tổ chức thống kê bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- Tổ chức hoạt động thống kê phục vụ yêu cầu quản lý của bộ, ngành;

- Tổ chức chỉ đạo và hướng dẫn công tác thống kê của bộ và cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện thuộc lĩnh vực phụ trách;

- Thực hiện các cuộc điều tra và chế độ báo cáo thống kê cơ sở, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp của Nhà nước.

Câu hỏi 90. Thống kê xã, phường, thị trấn được tổ chức như thế nào và có trách nhiệm gì?

Trả lời:

Theo Điều 22 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 quy định thống kê xã, phường, thị trấn được tổ chức và có trách nhiệm như sau:

1. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức công tác thống kê và bố trí người có đủ tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác thống kê theo chức danh quy định hiện hành về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

2. Công tác thống kê xã, phường, thị trấn chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng Thống kê cấp huyện.

3. Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn làm công tác thống kê có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

- Tổ chức thực hiện công tác thống kê phục vụ yêu cầu quản lý của xã, phường, thị trấn;

- Thực hiện các cuộc điều tra và chế độ báo cáo thống kê của Nhà nước.

4. Cán bộ, công chức làm công tác thống kê xã, phường, thị trấn được bố trí trong phạm vi số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn theo quy định và được hưởng chế độ, quyền lợi như các chức danh chuyên môn tại xã, phường, thị trấn theo quy định hiện hành.

Câu hỏi 91. Thống kê doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp được tổ chức như thế nào và có trách nhiệm gì?

Trả lời:

Theo Điều 23 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 quy định thống kê doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp được tổ chức và có trách nhiệm như sau:

1. Doanh nghiệp, cơ quan hành chính (trừ bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ) đã được quy định tại Điều 21 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004, đơn vị sự nghiệp, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang có tổ chức thống kê hoặc bố trí cán bộ làm công tác thống kê.

2. Thống kê doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của thủ trưởng đơn vị và có trách nhiệm giúp thủ trưởng đơn vị:

a. Tổ chức thực hiện công tác thống kê phục vụ yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị;

b. Thực hiện các cuộc điều tra thống kê và chế độ báo cáo thống kê của Nhà nước;

3. Gửi báo cáo tài chính, báo cáo thống kê cho Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở của đơn vị.

Câu hỏi 92. Thống kê xã, phường, thị trấn, thống kê doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp có thuộc hệ thống tổ chức thống kê nhà nước không?

Trả lời:

Điều 28 Luật thống kê quy định hệ thống tổ chức thống kê nhà nước bao gồm hệ thống tổ chức thống kê tập trung, tổ chức thống kê bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Đây là những cơ quan thống kê tổng hợp. Thống kê xã, phường, thị trấn, thống kê doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp là các tổ chức thống kê cơ sở nên không thuộc hệ thống tổ chức thống kê nhà nước, nhưng có vai trò quan trọng trong việc cung cấp những thông tin ban đầu cho hệ thống tổ chức thống kê nhà nước.

VII. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THỐNG KÊ

Câu hỏi 93. Quản lý nhà nước về thống kê gồm những nội dung gì?

Trả lời:

Điều 34 Luật thống kê quy định nội dung quản lý nhà nước về thống kê bao gồm:

1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển công tác thống kê, hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, chương trình điều tra thống kê quốc gia;

2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về thống kê;

3. Phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê;

4. Quản lý việc công bố thông tin thống kê;

5. Xây dựng tổ chức thống kê, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê;

6. Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào hoạt động thống kê;

7. Hợp tác quốc tế về thống kê;

8. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thống kê, xử lý vi phạm pháp luật về thống kê;

9. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thống kê theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 94. Cơ quan quản lý nhà nước về thống kê được quy định như thế nào?

Trả lời:

Cơ quan quản lý nhà nước về thống kê được quy định tại Điều 35 Luật thống kê như sau:

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thống kê.

2. Tổng cục Thống kê giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thuộc nội dung quản lý nhà nước về thống kê theo quy định của Chính phủ (trừ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật).

3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về thống kê trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về thống kê tại địa phương.

VIII. THANH TRA THỐNG KÊ

Câu hỏi 95. Thanh tra thống kê có nhiệm vụ gì?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 36 Luật thống kê quy định thanh tra thống kê là thanh tra chuyên ngành về thống kê. Thanh tra thống kê có nhiệm vụ:

- Thanh tra việc chấp hành pháp luật về thống kê;
- Phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về thống kê;
- Kiến nghị các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về thống kê.

Câu hỏi 96. Khi tiến hành thanh tra, đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên có quyền và trách nhiệm gì?

Trả lời:

Điều 37 Luật thống kê quy định: Khi tiến hành thanh tra, đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên có quyền và trách nhiệm sau đây:

1. Xuất trình quyết định thanh tra và thẻ thanh tra viên;
2. Yêu cầu đối tượng thanh tra, các bên có liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ và trả lời những vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra;
3. Lập biên bản thanh tra, kiến nghị biện pháp giải quyết đối với những sai phạm;
4. áp dụng các biện pháp ngăn chặn và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;
5. Thực hiện đúng trình tự, thủ tục thanh tra, không gây phiền hà, sách nhiễu, làm cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh và hoạt động bình thường của đối tượng thanh tra;
6. Báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về kết quả thanh tra và kiến nghị biện pháp giải quyết;
7. Tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận thanh tra và biện pháp xử lý do mình quyết định;
8. Giữ bí mật tài liệu thanh tra theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 97. Đối tượng thanh tra thống kê là những tổ chức, cá nhân nào và có quyền, nghĩa vụ gì?

Trả lời:

1. Đối tượng thanh tra thống kê là tất cả các tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin thống kê, sử dụng thông tin thống kê, tổ chức thống kê và người làm công tác thống kê.
2. Các đối tượng thanh tra thống kê có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Yêu cầu đoàn thanh tra, thanh tra viên xuất trình quyết định thanh tra, thẻ thanh tra viên và thực hiện đúng quy định của pháp luật về thanh tra;
 - b. Tạo điều kiện để đoàn thanh tra và thanh tra viên thực hiện nhiệm vụ;
 - c. Cung cấp tài liệu, chứng cứ và trả lời các vấn đề có liên quan đến nội dung thanh tra theo yêu cầu của đoàn thanh tra, thanh tra viên;
 - d. Chấp hành các quyết định xử lý của đoàn thanh tra, thanh tra viên theo quy định của pháp luật;
 - đ. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quyết định thanh tra, hành vi của thanh tra viên và kết luận, quyết định của thanh tra thống kê mà mình có căn cứ cho là không đúng pháp luật;
 - e. Yêu cầu bồi thường thiệt hại do các biện pháp xử lý không đúng pháp luật của đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên gây ra.

IX. THI HÀNH LUẬT THỐNG KÊ

Câu hỏi 98. Luật thống kê được triển khai thực hiện như thế nào?

Trả lời:

1. Luật thống kê là văn bản pháp lý cao nhất về công tác thống kê, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2004.
2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, thực hiện Luật thống kê phải được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục cho mọi đối tượng thi hành Luật thống kê trên phạm vi cả nước và gắn với mọi hoạt động thống kê.

3. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tuyên truyền, phổ biến, triển khai Luật thống kê; trong công tác thống kê thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 99. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về thống kê sẽ bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về thống kê thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 93/1999/NĐ-CP ngày 07/9/1999 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê và Thông tư số 04/1999/TT-TCTK ngày 19/10/1999 hướng dẫn thi hành Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Có hai hình thức xử lý vi phạm hành chính về thống kê là phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền. Tuy nhiên, Nghị định số 93/1999/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê sẽ được sửa đổi, bổ sung trong thời gian tới cho phù hợp với Luật thống kê và Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002.